

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 5 - 2021

V/v Tranh chấp cấp dưỡng
nuôi con chung, chia tài sản
chung của vợ chồng sau khi ly
hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhẫn

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thoại Lượng

Ông Lâm Ngọc Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Vy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Mộng Kiều, Kiểm sát viên

Ngày 25/5/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXX-ST, ngày 04/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 53/TB-TA ngày 23/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Thu V**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Phạm Ngọc N**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp M, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **La Bạch H**, sinh năm 1984,

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Trương Thanh L**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Long: Bà **Phạm Ngọc N**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp M, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trương Thị Thu V: Bà Phạm Ngọc N trình bày:

Nguyên trước đây, chị Trương Thị Thu V có làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để yêu cầu giải quyết cho chị V được ly hôn với anh La Bạch H và được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết bằng quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2020. Trong quyết định nêu trên, thì giữa chị V và anh H đã tự thỏa thuận về con chung, về tài sản chung, về nợ chung về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết, các bên không xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, sau khi nhận quyết định, thì giữa chị V và anh H đã không thỏa thuận và không thống nhất về việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và hiện nay chị V không đủ điều kiện để nuôi con chung tên La Minh H, sinh ngày 24/10/2017.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, giữa chị V và anh La Bạch H đã tạo lập được 01 căn nhà có kết cấu: Vách xây tường, cột thép đổ bê tông, mái lợp tol, la phong trần nhà, nền lát gạch... có chiều ngang là 05m chiều dài là 19m, căn nhà được xây dựng từ năm 2017, trị giá căn nhà lúc xây khoảng 150.000.000 đồng. Căn nhà này được xây dựng trên phần đất của anh trai của chị V cho chị mượn là ông Trương Thanh L, tại thửa 1849, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.100 m², đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do ông Trương Thanh L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 05/8/2019. Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân giữa chị V và anh H không có tài sản nào khác.

Nay chị Trương Thị Thu V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: yêu cầu phân chia một căn nhà có kết cấu như sau: Vách xây tường, cột thép đổ bê tông, mái lợp tol, la phong trần nhà, nền lát gạch... có chiều ngang là 05m chiều dài là 19m, căn nhà được xây dựng từ năm 2017, trị giá căn nhà lúc xây khoảng 150.000.000 đồng. Căn nhà này được cất trên phần đất của anh trai của chị cho chị mượn là ông Trương Thanh L, cụ thể căn nhà trên thửa 1849, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.100 m², đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do ông Trương Thanh L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị V yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung tên La Minh H, sinh ngày 24/10/2017 đến đủ 18 tuổi và cấp dưỡng hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh La Bạch H trình bày: Anh và chị V trước đây đã ly hôn theo như

lời trình bày của chị V tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, về con chung bà V đang nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung, nếu bà V không nuôi con chung thì giao con cho anh nuôi và anh không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, anh và chị V có 01 căn nhà ngang 5m, dài khoảng 19m được xây dựng trên đất của anh L là anh ruột chị V cho tại thửa 1849, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do ông Trương Thanh L đứng tên. Phần đất này là của anh L nhưng trước đây anh L đã nói cho hai vợ chồng anh để cất nhà nên hai vợ chồng anh mới xây dựng nhà kiên cố để ở. Bà V yêu cầu chia đôi căn nhà bà V lấy căn nhà và đồng ý thời tiền lại cho anh, thì anh không đồng ý, vì nhà của anh. Đồng thời, anh H yêu cầu chia đôi tài sản chung là 8 chỉ vàng và số tiền 20.000.000 đồng mà chị V đang giữ.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, và nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh L: Bà Phạm Ngọc N trình bày: Căn nhà vợ chồng chị V, ông H xây dựng trên phần đất tại thửa 1849, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là của ông Trương Thanh L đứng tên, được Sở tài nguyên và Môi trường, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 05/8/2019, vì trước đây chị V là em ruột của ông L, không có chỗ cất nhà, nên ông L cho mượn đất để vợ chồng chị V em ruột của ông cất nhà ở cho đến nay. Nay vợ chồng chị V đã ly hôn và xin chia tài sản chung trên đất, thì ông yêu cầu phải trả lại đất cho ông. Còn nếu em của ông là chị V vẫn ở trên đất của ông, thì ông đồng ý cho em ruột của ông tiếp tục ở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Xét yêu cầu phân chia tài sản chung và yêu cầu cấp dưỡng con chung sau khi ly hôn của chị Trương Thị Thu V, đây là tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn chị Trương Thị Thu V yêu cầu bị đơn anh La Bạch H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định của pháp luật và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*”.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thu V

đối với bị đơn anh La Bạch H: Trước đây, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn anh La Bạch H và được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết bằng quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2020. Sau khi nhận quyết định giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận và không thống nhất được tài sản chung của vợ chồng và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi chị V và anh H ly hôn.

[4] *Tại biên bản thẩm định và định giá tài sản ngày 26/11/2020, cụ thể: Phần đất thuộc thửa 1849, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có tư cận như sau:*

- Hướng Đông: giáp thửa 1849 (phần còn lại), có số đo 30,3m;

- Hướng Tây: giáp thửa 1849 (phần còn lại) có số đo 30,25m;

- Hướng Nam: giáp thửa 1082, có số đo 5,24m;

- Hướng Bắc: giáp hẻm đal, có số đo 5,05m;

Diện tích: 154 m².

- Căn nhà: Diện tích: 18m x 5,05m = 90,9 m², kết cấu nền gạch Ceramic, tường ốp gạch men cao 1,25m, cột bê tông đúc sẵn, trần lát la phong, mái tol, cửa nhôm kính và xà gỗ gõ.

- 01 sân xi măng, diện tích 3,6m x 5,05m = 18, 18 m² lát xi măng gạch vỡ.

- 01 hàng rào 1,8m (60cm chân tường xi măng + 1,2m lưới B40) x 18, 18m = 32,724m.

- Cây trồng trên đất: 02 cây mít loại C; 01 cây dừa loại C; 01 cây xoài loại C.

Về giá trị tài sản tranh chấp:

- Nhà: Diện tích 90,9m², đơn giá 3.085.010 đồng/m², tỷ lệ còn lại 70%, thành tiền 196.299.186 đồng.

- Sân xi măng 18.18m², đơn giá 119.757 đồng/m², tỷ lệ còn lại 70%, thành tiền 1.524.027 đồng.

- Hàng rào 32,724m², đơn giá 769.719 đồng/m², tỷ lệ còn lại 70%, thành tiền 17.631.799 đồng.

Cây trồng:

- 02 cây mít loại C x 70.000 đồng/cây = 114.000 đồng;

- 01 cây dừa loại C x 214.000 đồng/cây = 214.000 đồng;

- 01 cây xoài loại C x 150.000 đồng/cây = 150.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là: 215.933.012 đồng.

[4] Sau khi ly hôn, tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về tài sản chung. Tại phiên tòa hôm nay, chị V yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung La Minh H, sinh ngày 24/10/2017 đến đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật và yêu cầu được chia đôi tài sản gồm căn nhà nêu trên và nguyên

vọng của chị V là được nhận bằng hiện vật, đồng thời chị V đồng ý trả lại 1/2 giá trị căn nhà bằng tiền cho bị đơn. Xét thấy, căn nhà giữa nguyên đơn và bị đơn đã xây dựng trên phần đất của anh ruột của chị V là ông L cho mượn vào năm 2017, sau khi ly hôn, nguyện vọng của chị V là được tiếp tục ở và quản lý sử dụng căn nhà mà trước đây chị và anh H đã xây dựng trên đất của anh ruột của chị là anh L cho mượn để tạo điều kiện chăm sóc cháu H. Do đó, yêu cầu của chị V được ở và quản lý sử dụng căn nhà nêu trên và chị V đồng ý thôi lại giá trị bằng tiền 1/2 căn nhà theo kết quả định giá cho bị đơn là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể: 215.933.012 đồng: 2= 107.966.506 đồng. Như vậy, nguyên đơn phải trả giá trị bằng tiền cho bị đơn số tiền 107.966.506 đồng, nguyên đơn được quyền sử dụng căn nhà và cây trồng trên thửa đất 1849, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.100m², tọa lạc ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do ông Trương Thanh L đứng tên. Cụ thể:

- Căn nhà: Diện tích: 18m x 5,05m = 90,9 m², kết cấu nền gạch Ceramic, tường ốp gạch men cao 1,25m, cột bê tông đúc sẵn, trần lát la phong, mái tol, cửa nhân kính và xà gỗ gõ.

- 01 sân xi măng, diện tích 3,6m x 5,05m = 18, 18 m² lát xi măng gạch vỡ.

- 01 hàng rào 1,8m (60cm chân tường xi măng + 1,2m lưới B40) x 18, 18m = 32,724m².

- Cây trồng trên đất: 02 cây mít loại C; 01 cây dừa loại C; 01 cây xoài loại C.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khi ly hôn, chị V và anh H đã thỏa thuận con chung là cháu H chị V nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Để đảm bảo về con chưa thành niên và cháu H là con chung của chị V và anh H. Tại phiên tòa hôm nay, chị V yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nên buộc bị đơn anh La Bạch H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu La Minh H, sinh ngày 24/10/2017 hàng tháng bằng 1/2 mức lương cơ sở là 745.000 đồng /tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án. Địa điểm cấp dưỡng tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh La Bạch H có ý kiến cho rằng: Anh không đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, không đồng ý nhận giá trị 1/2 căn nhà và cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hoàng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Xét thấy, tại phiên Tòa, bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân 8 chỉ vàng số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi thông báo giao nộp chứng cứ cũng như mở các phiên hòa giải, bị đơn anh H không có ý kiến hay yêu cầu vấn đề này và cũng không yêu cầu phản tố. Do đó, yêu cầu của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành

pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thu V, về tài sản chung : Chị V được quyền quản lý sử dụng 1 căn nhà trên phần đất thuộc thửa 1849, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.100 m² tọa lạc ấp Bung Tróp A, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng do ông Trương Thanh L đứng tên, cụ như sau:

- Căn nhà: Diện tích: 18m x 5,05m = 90,9 m², kết cấu nền gạch Ceramic, tường ốp gạch men cao 1,25m, cột bê tông đúc sẵn, trần lát la phong, mái tol, cửa nhân kính và xà gỗ gõ.

- 01 sân xi măng, diện tích 3,6m x 5,05m = 18, 18 m² lát xi măng gạch vỡ.

- 01 hàng rào 1,8m (60cm chân tường xi măng + 1,2m lưới B40) x 18, 18m = 32,724m².

- Cây trồng trên đất: 02 cây mít loại C; 01 cây dừa loại C; 01 cây xoài loại C.

Chị Trương Thị Thu V phải có nghĩa vụ trả giá trị 1/2 căn nhà cho anh La Bạch H, cụ thể: 215.933.012 đồng : 2= 107.966.506 đồng. Về cấp dưỡng: Buộc anh La Bạch H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu La Minh H, sinh ngày 24/10/2017 hàng tháng là 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Chi phí thẩm định, định giá tài sản nguyên đơn nộp tạm ứng trước 5.850.000 đồng đã thực hiện việc định giá xong, nguyên đơn tự nguyện chịu.

[10] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 42 của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng số 02/2012/UBTVQH13, ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Thu V.

1. *Về tài sản chung*: Giao cho chị Trương Thị Thu V được quyền sử dụng căn nhà trên phần đất thuộc thửa 1849, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.100m², tọa lạc ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 05/8/2019 do ông Trương Thanh L đứng tên cụ thể như sau:

- Căn nhà: Diện tích: 18m x 5,05m = 90,9 m², kết cấu nền gạch Ceramic, tường ốp gạch men cao 1,25m, cột bê tông đúc sẵn, trần lát la phong, mái tol, cửa nhôm kính và xà gỗ gõ.

- 01 sân xi măng, diện tích 3,6m x 5,05m = 18, 18 m² lát xi măng gạch vỡ.

- 01 hàng rào 1,8m (60cm chân tường xi măng + 1,2m lưới B40) x 18, 18m = 32,724m².

- Cây trồng trên đất: 02 cây mít loại C; 01 cây dừa loại C; 01 cây xoài loại C.
(Có sơ đồ kèm theo).

Chị V phải có nghĩa vụ trả giá trị 1/2 căn nhà cho anh La Bạch H, cụ thể: 215.933.012 đồng : 2= 107.966.506 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng nguyên đơn còn phải trả **lãi** cho bị đơn mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3 *Về cấp dưỡng*: Buộc anh La Bạch H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu La Minh H, sinh ngày 24/10/2017 hàng tháng là 745.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án. Địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Chi phí thẩm định, định giá tài sản nguyên đơn nộp tạm ứng trước 5.850.000 đồng đã thực hiện việc định giá xong, nguyên đơn tự nguyện chịu.

2. *Về án phí sơ thẩm*: Cụ thể: 215.933.012 đồng x 5% = 10.797.000 đồng (tính tròn số) Chị Trương Thị Thu V phải chịu 1/2 án phí dân sự sơ thẩm là 5.398.500 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.875.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu thành theo biên lai thu số 0005142 ngày 08/6/2020, nguyên đơn còn phải nộp thêm 3.523.500 đồng. Bị đơn anh La Bạch H phải chịu 1/2 án phí dân sự sơ thẩm là 5.398.500 đồng và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi

hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Viện Kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhấn